

Số: 22 /2020/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 74/TTr-STTTT ngày 19/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- Cục Chứng thực số và BMTT (Ban Cơ yếu CP);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDL VBQPPL);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trưởng, Phó TP, CV VP UBND tỉnh;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22 /2020/QĐ-UBND ngày 19 /12/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong việc quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu thực hiện trong quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành);

b) Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thuộc các sở, ban, ngành.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức được cấp chứng thư số đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, b, c, d khoản này.

2. Các cơ quan, tổ chức có giao dịch điện tử với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân không thuộc khoản 1, khoản 2, Điều này áp dụng các quy định tại quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động quản lý nhà nước về sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp phải được thống nhất giải quyết theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Ủy ban nhân dân cấp xã có vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có vướng mắc, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Đề xuất, tham mưu việc ban hành kế hoạch, các văn bản quy định quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Báo cáo tình hình triển khai, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong năm và xây dựng kế hoạch, nhu cầu sử dụng của năm kế tiếp cho thuê bao thuộc quyền quản lý theo hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ.

3. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý và sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổ chức tập huấn, triển khai, hướng dẫn sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 5. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp sau đây:

1. Trao đổi thông qua văn bản.

2. Trao đổi thông qua các phương tiện thông tin liên lạc hoặc trực tiếp gặp gỡ để trao đổi.

3. Cử cán bộ tham gia các hoạt động phối hợp giữa các bên.

4. Tổ chức hội nghị, hội thảo.

5. Tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý và sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thuộc phạm vi quản lý.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Cơ quan quản lý trực tiếp thuê bao

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý trực tiếp các thuê bao:

a) Thuê bao của tổ chức gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thuê bao của các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan quản lý trực tiếp các thuê bao:

a) Thuê bao của tổ chức, gồm: các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thuê bao của các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Các sở, ban, ngành là cơ quan quản lý trực tiếp các thuê bao của tổ chức, các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc và thuê bao của cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì tham mưu, đề xuất thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điều 4 Quy chế này, cụ thể như sau:

1. Chủ trì tham mưu, đề xuất việc ban hành kế hoạch, các văn bản quy định việc quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh; quản lý, kiểm tra việc thực hiện Quy chế của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin và các cơ quan liên quan (nếu có) hướng dẫn, kiểm tra lỗi và bảo đảm hỗ trợ kỹ thuật cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình sử dụng các thiết bị lưu khóa bí mật do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin cung cấp để triển khai các ứng dụng nền tảng chính quyền điện tử tỉnh.

3. Chủ trì phối hợp với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin và các cơ quan liên quan (nếu có) tổ chức tập huấn về việc quản lý, sử dụng các thiết bị lưu khóa bí mật do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin cung cấp.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp thuê bao

1. Có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 6 của Quy chế này và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đề nghị thuộc quyền quản lý được quy định tại Điều 15 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP. Gửi trực tiếp văn bản đề nghị về Cục Chứng thực số và bảo mật thông tin theo địa chỉ được cung cấp tại Điều 4 Thông tư số 185/2019/TT-BQP. *(Biểu mẫu quản lý được đăng tải tại địa chỉ <https://ca.gov.vn/bieu-mau-quan-ly>)*

2. Phân công và cử nhân sự quản lý tiếp nhận, bàn giao chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật cho thuê bao theo nhiệm vụ thẩm quyền của cơ quan quản lý trực tiếp thuê bao. Thực hiện tiếp nhận chuyển giao việc cài đặt phần mềm ký số và hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo ký số tại các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả sử dụng chứng thư số của cơ quan, đơn vị về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân

dân tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của thuê bao

1. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin để thực hiện các thủ tục theo các quy định về trách nhiệm của thuê bao tại Điều 17 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Đối với thuê bao là cơ quan, tổ chức nhà nước khi giao thiết bị lưu khóa bí mật cho cá nhân được phân công quản lý phải bằng văn bản; cá nhân được giao có trách nhiệm quản lý theo quy định, sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức đảm bảo an toàn.

3. Đối với thuê bao là cá nhân có trách nhiệm quản lý thiết bị lưu khóa bí mật của mình tuyệt đối không đưa, cung cấp thiết bị cho người không có thẩm quyền sử dụng.

4. Lưu trữ quản lý thiết bị chứng thư số và sử dụng khóa bí mật phải bảo đảm an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng. Trong trường hợp thất lạc thiết bị, hoặc nghi ngờ lộ khóa bí mật phải báo ngay cho cơ quan quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục thu hồi.

5. Không được dùng các công cụ, chương trình hay bất cứ hình thức nào khác làm thay đổi dữ liệu khi chưa có sự đồng ý của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hoặc làm hư hỏng thiết bị lưu khóa bí mật.

6. Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến việc quản lý và sử dụng chứng thư số trong các cơ quan quản lý nhà nước và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

7. Triển khai quán triệt đầy đủ các quy định của pháp luật về trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao quản lý, sử dụng chứng thư số, thực hiện nhiệm vụ người ký số; cá nhân sử dụng chứng thư số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ phải có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý trực tiếp những thông tin liên quan đến thiết bị lưu khóa bí mật như bị mất, bị hỏng vật lý, bị khóa thiết bị do nhập sai mật khẩu và các trường hợp mất an toàn thông tin khác, thông tin chuẩn bị về hưu, chuyển công tác để cơ quan kịp thời thu hồi chứng thư số theo quy định.

8. Quản lý, sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong phạm vi quản lý của cơ quan theo đúng quy định của pháp luật.

9. Tổ chức triển khai sử dụng có hiệu quả chứng thư số của các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong các lĩnh vực giao dịch điện tử trong tỉnh thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có giao dịch điện tử với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

1. Các cơ quan, tổ chức có giao dịch điện tử với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tích hợp và chấp nhận việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các giao dịch điện tử của cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành, trong giao dịch điện tử của ngành, lĩnh vực bảo đảm theo đúng quy định.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo, thống kê, kiểm tra tình hình sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành, trong giao dịch điện tử của ngành triển khai, bảo đảm kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ phối hợp tại Quy chế này.

2. Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Quy chế này. Đồng thời triển khai, quán triệt Quy chế này đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có liên quan biết, để thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn